

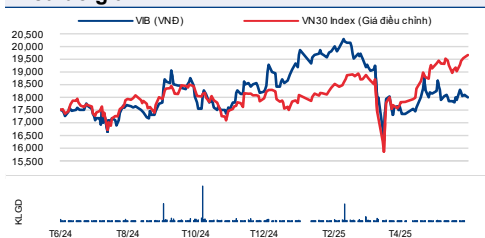
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ20,300
Tiềm năng tăng/giảm: 12.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/6/2025)	18,000
Mã Bloomberg	VIB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,304-20,296
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	18,033
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	53,624
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,046
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,979
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	610
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	4.99%
Tỷ lệ sở hữu của NN	20.5%
Tỷ lệ freefloat	50.7%
Cổ đông lớn	và người có liên quan (14.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	493,158	563,599	657,728
Dư nợ cho vay (ntđ)	324,010	382,331	451,151
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	20,569	21,170	24,641
Lợi nhuận thuần (ntđ)	7,204	8,098	9,646
BVPS (đồng)	14,052	16,020	18,593
EPS (đồng)	2,427	2,728	3,250
DPS (đồng)	800	700	600
T.trưởng cho vay KH (%)	21.7	18.0	18.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	(7.18)	2.92	16.4
Tăng trưởng EPS (%)	(15.9)	12.4	19.1
Tăng trưởng DPS (%)	(46.7)	(12.5)	(14.3)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	33.0	25.7	18.5
ROAE (%)	18.1	18.1	18.7
ROAA (%)	1.60	1.53	1.58
Tỷ lệ NIM (%)	3.83	3.38	3.43
Tỷ lệ CIR (%)	35.1	35.9	33.4
Hệ số CAR (%)	11.0	10.7	10.5
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.51	3.00	2.60
LLR/nợ xấu (%)	50.1	35.6	39.2
Hệ số LDR (%)	117	116	116
P/B (lần)	1.28	1.12	0.97
P/E (lần)	7.42	6.60	5.54
Lợi suất cổ tức (%)	4.44	3.89	3.33

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VIB là một ngân hàng bán lẻ tầm trung tại Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực cho vay mua nhà và mua ô tô. Ngoài ra ngân hàng còn là một tên tuổi lớn trong thị trường bancassurance với thị phần lớn khoảng 15%.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc
Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA
Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ nhưng tỷ lệ NIM tiếp tục gặp áp lực

- VIB ước tính LNTT Q2/2025 tăng 23% nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ & chi phí dự phòng giảm xuống, nhưng bị bù trừ một phần do tỷ lệ NIM thu hẹp. Tuy nhiên, Ngân hàng lưu ý những rủi ro giảm đối với ước tính sơ bộ này với kịch bản xấu nhất LNTT sẽ chỉ tăng nhẹ 4%.
- Ngân hàng khẳng định lại chiến lược chuyển dịch danh mục cho vay cân bằng hơn giữa phân khúc bán lẻ và khách hàng doanh nghiệp, trong đó xác định DNNVV là động lực tăng trưởng trong trung hạn.
- VIB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,04 lần, thấp hơn 4% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 20.300đ và dự báo.

Sự kiện: Hội nghị Emerging Vietnam 2025 của HSC

VIB đã tham dự hội nghị Emerging Vietnam 2025 của HSC vào ngày 18/6/2025 và đã chia sẻ về tình hình HĐKD, định hướng chiến lược và xu hướng của ngành.

LNTT dự kiến tăng trưởng mạnh trong Q2/2025 nhưng lưu ý rủi ro giảm

VIB ước tính LNTT Q2/2025 và nửa đầu năm 2025 theo kịch bản cơ sở đạt lần lượt 2,6 nghìn tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ) và 5 nghìn tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ). KQKD sơ bộ Q2/2025 khả quan, khả năng nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ và chi phí dự phòng giảm xuống, mặc dù bị bù trừ một phần do tỷ lệ NIM thu hẹp. Tuy nhiên, Ngân hàng lưu ý có rủi ro giảm đối với ước tính sơ bộ trên do rủi ro liên quan tới chất lượng tài sản. Trong kịch bản xấu nhất nếu nợ xấu gia tăng, chi phí dự phòng có thể tăng lên và khiến LNTT Q2/2025 chỉ đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (chỉ tăng 4% so với cùng kỳ và thấp hơn 16% so với LNTT theo kịch bản cơ sở).

Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ...

- Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ trong 6 tháng đầu năm 2025:** VIB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ khoảng 10% trong 6 tháng đầu năm 2025. Theo phân khúc, phân khúc DNNVV tiếp tục dẫn đầu tăng trưởng. Theo ngành, tín dụng cho các CTCK (để cho vay ký quỹ) tăng trưởng đáng kể.
- Phân khúc DNNVV tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong trung hạn:** Tỷ trọng cho vay bán lẻ trên tổng dư nợ tín dụng của VIB tiếp tục giảm từ mức đỉnh 89% vào cuối năm 2022 xuống 77% vào cuối Q1/2025 do nhu cầu suy yếu trong bối cảnh thị trường BĐS kém tích cực. Mặc dù chúng tôi tin rằng điều kiện thị trường đang dần cải thiện nhưng VIB kỳ vọng nhu cầu tín dụng của phân khúc bán lẻ vẫn ở mức thấp và chuyển trọng tâm sang phân khúc DNNVV để duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng cao. Theo Ngân hàng, khách hàng DNNVV có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn nhưng chất lượng tài sản tốt hơn. VIB vẫn duy trì định vị NHTM chuyên bán lẻ và đặt mục tiêu

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/6.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Ước tính LNTT Q2 & 6 tháng đầu năm 2025, VIB

Theo kịch bản cơ sở, VIB kỳ vọng KQKD Q2/2025 sẽ tích cực với LNTT tăng 23%, nhiều khả năng nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và chi phí dự phòng giảm

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25E	% svck	6T24	6T25E	% svck	% HSCF
Kịch bản cơ sở	2,103	2,579	23%	4,605	5,000	9%	49%
Kịch bản tiêu cực nhất		2,179	4%		4,600	0%	45%

Nguồn: VIB, HSC

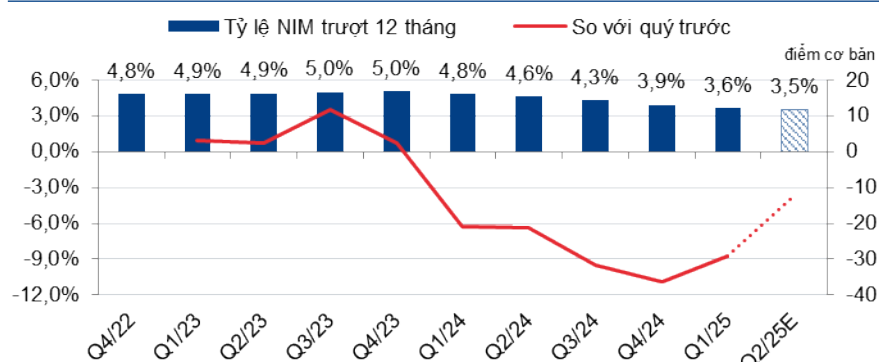
duy trì tỷ trọng tín dụng phân khúc bán lẻ trên tổng dư nợ tín dụng ở mức trên 60%.

...bị bù trừ do tỷ lệ NIM thu hẹp, dù cho thấy dấu hiệu ổn định

VIB ước tính tỷ lệ NIM (trượt 12 tháng) ở mức 3,5% trong Q2/2025, giảm 10 điểm cơ bản so với Q1/2025. Trong khi tỷ lệ NIM vẫn ở mức thấp và áp lực vẫn tiếp diễn, tốc độ thu hẹp đã chậm lại so với các quý trước. Điều này cho thấy dấu hiệu ổn định trong xu hướng giảm. Trong phần còn lại của năm 2025, Ngân hàng kỳ vọng tỷ lệ NIM sẽ tiếp tục chịu áp lực do lãi suất cho vay giảm để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tỷ trọng tín dụng khách hàng doanh nghiệp ngày càng tăng và giảm khẩu vị rủi ro đối với phân khúc bán lẻ nhằm cải thiện chất lượng tài sản.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ NIM trượt 12 tháng, VIB

Xu hướng giảm của tỷ lệ NIM đã chậm lại trong Q1 và Q2/2025



Nguồn: VIB, HSC

Thị trường BĐS hồi phục hỗ trợ chất lượng tài sản...

Ngân hàng không cập nhật về tỷ lệ nợ xấu nhưng chúng tôi cho rằng tỷ lệ này vẫn sẽ ở mức cao (tỷ lệ nợ xấu Q1/2025 của VIB là 3,8%). Trong khi phân khúc khách hàng doanh nghiệp có tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp là dưới 0,5%, tỷ lệ nợ xấu phân khúc bán lẻ, chủ yếu là cho vay mua nhà, tiếp tục gây ra những lo ngại.

Thời gian tới, VIB kỳ vọng chất lượng tài sản sẽ cải thiện nhờ thị trường BĐS phục hồi nhờ những nỗ lực của Chính phủ nhằm giải quyết các nút thắt pháp lý tại các dự án BĐS.

...và thu nhập từ thu hồi nợ xấu

VIB nhấn mạnh tỷ lệ thu hồi nợ xấu trong quá khứ đối với các khoản vay mua nhà là 100% và các khoản vay mua ô tô là 60-70% (tính trên % giá trị dư nợ gốc). Điều này cho thấy tiềm năng tăng lớn đối với thu nhập từ thu hồi nợ xấu, sau khi Ngân hàng đã xóa sổ lượng lớn nợ xấu trong 2 năm qua. Cho năm 2025, trong bối cảnh thị trường BĐS ảm đạm, Ngân hàng đặt kế hoạch thu nhập từ thu hồi nợ xấu là 1,5-1,6 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 20-28%, sát với dự báo hiện tại của chúng tôi là 1,4 nghìn tỷ đồng.

Luật hóa Nghị quyết 42 được đánh giá có tác động tích cực

VIB tin rằng việc thông qua Luật hóa Nghị quyết 42 sẽ giúp rút ngắn từ 30-50% thời gian khâu thủ tục pháp lý trong quy trình xử lý tài sản đảm bảo và thay đổi tích cực hành vi của khách hàng đi vay, hạn chế tình trạng chậm trễ trả nợ. Điều này có thể giúp giảm nợ xấu & chi phí dự phòng, đồng thời nâng cao thu nhập từ thu hồi nợ xấu cho các Ngân hàng.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng

Sau khi giá cổ phiếu giảm 1% trong 1 tháng qua, VIB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,04 lần, thấp hơn 4% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu tại thời điểm giữa năm 2026 là 20.300đ, tương đương tiềm năng tăng giá 12%.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	36,691	32,443	36,344	43,265	52,034
Chi phí lãi	(18,207)	(15,693)	(18,901)	(22,747)	(27,553)
Thu nhập lãi thuần	18,484	16,750	17,444	20,518	24,482
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2,203	1,765	1,767	2,219	2,753
Lãi thuần HĐ KDNH	548	501	450	500	500
Lãi/lỗ từ mua bán CK	130	248	105	100	100
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	3.35	3.75	3.75	3.75	3.75
Thu nhập khác	792	1,300	1,400	1,300	1,200
Tổng thu nhập HĐ	22,160	20,569	21,170	24,641	29,038
Chi phí HĐ	(6,611)	(7,211)	(7,606)	(8,229)	(9,010)
LN trước dự phòng	15,550	13,358	13,564	16,411	20,028
Chi phí dự phòng	(4,847)	(4,353)	(3,441)	(4,354)	(5,251)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	10,703	9,004	10,122	12,058	14,777
Chi phí thuế TNDN	(2,141)	(1,800)	(2,024)	(2,412)	(2,955)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	8,562	7,204	8,098	9,646	11,821
EPS (đồng)	2,885	2,427	2,728	3,250	3,983
DPS (đồng)	1,500	800	700	600	600
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,968	2,968	2,968	2,968	2,968
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,968	2,979	2,979	2,979	2,979
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,968	2,968	2,968	2,968	2,968

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,681	1,639	2,128	2,744	2,035
Tiền gửi tại NHNN	8,218	9,909	6,576	6,984	6,301
Tiền gửi tại các TCTD khác	68,198	105,589	116,147	134,731	156,288
Chứng khoán kinh doanh	16.4	8.78	8.78	8.78	8.78
Các công cụ tài chính phái sinh	157	822	822	822	822
Số dư cho vay thuần	262,074	318,316	378,252	446,553	518,196
Tổng dư nợ cho vay	266,346	324,010	382,331	451,151	523,335
Dự phòng rủi ro	(4,271)	(5,694)	(4,079)	(4,598)	(5,139)
Chứng khoán đầu tư	60,988	50,344	52,811	58,097	65,075
CK đầu tư sẵn sàng để bán	60,956	50,346	52,863	58,149	65,127
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	42.4	42.4	42.4	42.4	42.4
Dự phòng rủi ro	(10.3)	(43.9)	(94.3)	(94.3)	(94.3)
Đầu tư dài hạn	69.5	69.5	69.5	69.5	69.5
Tài sản cố định	756	798	838	879	923
Tài sản khác	7,720	5,663	5,946	6,838	7,180
Tổng tài sản	409,878	493,158	563,599	657,728	756,899
Nợ phải trả	371,942	451,297	515,874	602,337	691,711
Tiền gửi của NHNN	0	18,587	5,000	5,500	7,000
Tiền gửi của các TCTD khác	98,640	123,201	145,377	168,637	188,873
Tổng tiền gửi KH	236,577	276,308	328,807	387,992	450,071
Trái phiếu và CCTG	23,897	23,263	26,752	30,765	35,379
Nợ khác	12,821	9,933	9,933	9,436	10,380
Vốn chủ sở hữu	37,936	41,862	47,725	55,391	65,189
Vốn điều lệ	25,368	29,791	29,791	29,791	29,791
Thặng dư vốn cổ phần	1.63	1.77	1.77	1.77	1.77
Lợi nhuận giữ lại	9,099	7,735	12,376	18,595	26,620
Quỹ & vốn khác của CSH	3,470	4,333	5,556	7,003	8,776
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	409,878	493,158	563,599	657,728	756,899
BVPS (đồng)	12,781	14,052	16,020	18,593	21,882

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	19.5	20.3	14.3	16.7	15.1
Tăng trưởng cho vay KH (%)	14.8	21.7	18.0	18.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	18.2	16.8	19.0	18.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.3	15.0	18.7	17.8	15.9
Tăng trưởng VCSH (%)	16.2	10.3	14.0	16.1	17.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	23.5	(9.38)	4.14	17.6	19.3
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	6.67	9.08	5.48	8.19	9.49
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	31.1	(14.1)	1.54	21.0	22.0
Tăng trưởng LNTT (%)	1.15	(15.9)	12.4	19.1	22.5
Tăng trưởng LN thuần (%)	1.11	(15.9)	12.4	19.1	22.5

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.89	4.56	4.01	4.04	4.11
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.76)	(1.60)	(1.44)	(1.35)	(1.27)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.6	97.0	97.6	97.9	98.2
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.03	1.80	1.76	1.95	2.19
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	48.5	40.0	44.1	51.5	61.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.24	7.42	6.60	5.54	4.52
P/B (lần)	1.41	1.28	1.12	0.97	0.82
Lợi suất cổ tức (%)	8.33	4.44	3.89	3.33	3.33

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.6	35.0	38.3	39.1	40.7
ROAA (%)	2.27	1.60	1.53	1.58	1.67
ROAE (%)	24.3	18.1	18.1	18.7	19.6
Chi phí huy động BQ (%)	5.50	3.92	3.99	4.14	4.32
Lợi suất góp BQ (%)	10.2	7.41	7.05	7.24	7.49
Lợi suất thuần (%)	4.70	3.49	3.06	3.10	3.17
Tỷ lệ NIM (%)	5.14	3.83	3.38	3.43	3.53
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.94	8.58	8.35	9.00	9.48
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	83.4	81.4	82.4	83.3	84.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	6.65	9.98	9.25	7.73	6.21
Tỷ lệ CIR (%)	29.8	35.1	35.9	33.4	31.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	52.0	33.0	25.7	18.5	15.1

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.2	11.0	10.7	10.5	10.6
VCSH/Tổng TS (%)	9.26	8.49	8.47	8.42	8.61
Đòn bẩy vốn (lần)	10.8	11.8	11.8	11.9	11.6

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.14	3.51	3.00	2.60	2.20
Hệ số LLR (%)	51.0	50.1	35.6	39.2	44.6

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	113	117	116	116	116
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	27.5	29.1	29.0	28.7	28.0
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	65.0	65.7	67.8	68.6	69.1

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	176	180	184	187	191
Số lượng nhân viên	10,909	11,455	12,027	12,629	13,260

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn